

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Chỉ số đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị Nhà nước về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 740/TTr-SNV ngày 23 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chỉ số đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Trách nhiệm triển khai:

1. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo Bộ Chỉ số đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính được ban hành kèm theo Quyết định này và các quy định, hướng dẫn của cơ quan liên quan.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Bộ Chỉ số đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính được ban hành kèm theo Quyết định này, xây dựng và triển khai đánh giá Chỉ số cải cách hành chính đối với các phòng, ban và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn áp dụng tại địa phương, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính.

3. Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Lưu*

Nơi nhận: *ps*

- BCĐ CCHC của Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D 15).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

BỘ CHỈ SỐ

Đánh giá, xếp hạng công tác Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

I. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

- Đánh giá toàn diện, chính xác tình hình, kết quả cải cách hành chính (CCHC) của các cơ quan, đơn vị, địa phương để làm cơ sở xem xét biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, thiếu sót và xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương vi phạm các quy định về CCHC.

- Tăng cường trách nhiệm, sự chủ động của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác CCHC.

- Xây dựng Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện theo đặc điểm, tính chất quản lý Nhà nước của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng sở, ban, ngành, địa phương.

- Xây dựng được bộ câu hỏi điều tra xã hội học theo từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát.

- Hàng năm tổ chức xác định, công bố Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là cấp sở), gồm 24 cơ quan, đơn vị, cụ thể:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Xây dựng;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Khoa học và Công nghệ;

- Sở Tài chính;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Tư pháp;
- Sở Ngoại vụ;
- Sở Y tế;
- Sở Công Thương;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) trên địa bàn tỉnh (13 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố).

3. Nguyên tắc thực hiện

- Đảm bảo chính xác, khách quan, minh bạch, dân chủ và công bằng trong việc đánh giá, xếp hạng.

- Bám sát các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh về CCHC; đồng thời, xem xét các đặc thù về yêu cầu nhiệm vụ, điều kiện thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kết quả của cơ quan, đơn vị, địa phương phải phản ánh đúng thực chất kết quả, hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG

1. Nội dung và tiêu chí đánh giá, xếp hạng

Nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả CCHC của cấp sở, cấp huyện bao gồm:

a) Kết quả thực hiện CCHC.

b) Tác động của CCHC (Điều tra xã hội học).

c) Nội dung, tiêu chí, thang điểm chuẩn cụ thể để đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC của cấp sở, cấp huyện tương ứng theo các Phụ lục I, II kèm theo Quyết định này.

2. Chỉ số CCHC cấp sở

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí và 85 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thủ tục hành chính (TTHC): 5 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước: 3 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách chế độ công vụ: 6 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí, 8 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: 4 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- + Tác động CCHC: 7 tiêu chí và 27 tiêu chí thành phần.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở được nêu chi tiết tại Phụ lục I (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC cấp sở là: 100 điểm. Trong đó:

- Điểm đánh giá CCHC là: 75 điểm (cấp sở tự chấm; Tổ thẩm định sẽ thẩm định, đánh giá, công nhận thông qua tài liệu kiểm chứng);
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 25 điểm.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục I.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của cấp sở:

+ Các sở, ban, ngành tự theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả nhiệm vụ CCHC của sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp sở và hướng dẫn chấm điểm Chỉ số CCHC cấp sở. Điểm các sở, ban, ngành tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục I;

+ Đối với các cơ quan, đơn vị do tính chất đặc thù, nhiệm vụ và quy định của cơ quan chủ quản cấp trên không trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Bộ chỉ số cấp sở (tại Phụ lục I) thì các cơ quan, đơn vị không thực hiện đánh giá với đối với các nội dung không thực hiện. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các văn bản của cơ quan chủ quản quy định các tiêu chí, tiêu chí thành phần này không bắt buộc triển khai tại cơ quan, đơn vị.

+ Điểm tự đánh giá của các sở, ban, ngành được Tổ thẩm định CCHC của tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh trên cơ sở tài liệu kiểm chứng và tình hình thực tế. Trên cơ sở kết quả của Tổ thẩm định CCHC, Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Kết quả điểm do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định được thể hiện tại cột “Điểm đánh giá” của Phụ lục I.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Phụ lục I với nội dung “ĐTXHH”. Việc điều tra xã hội học được tiến hành độc lập để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau theo quy định.

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp sở.

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Phụ lục I.

d) Tính toán, xác định chỉ số CCHC cấp sở:

- Tổng điểm của sở, ban, ngành đạt được là tổng hợp của điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học (do đơn vị độc lập tổ chức khảo sát), được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Đối với những đơn vị không phải đánh giá đầy đủ các tiêu chí, tiêu chí thành phần (các cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù, ngành dọc) thì chỉ đánh giá trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần thực hiện để xác định Chỉ số CCHC theo tỷ lệ phần trăm (%). Ví dụ cơ quan A chỉ đánh giá thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần với tổng điểm tối đa là 80 điểm và kết quả đạt được 70 điểm, thì chỉ số CCHC xác định là 87,5% (lấy $70/80 \cdot 100$). Chỉ số CCHC của cấp sở được thể hiện ở dòng “Chỉ số” tại Phụ lục I.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực. Đối với các cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù thì điểm tối đa của từng lĩnh vực là tổng điểm tối đa các tiêu chí, tiêu chí thành phần có thực hiện đánh giá.

đ) Xếp hạng Chỉ số CCHC cấp sở:

Kết quả Chỉ số CCHC của 24 sở, ban, ngành được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp (xếp hạng theo tỷ lệ %).

3. Chỉ số CCHC cấp huyện

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp huyện:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp huyện được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 44 tiêu chí và 94 tiêu chí thành phần, cụ thể:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 7 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;

- + Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách TTHC: 5 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách chế độ công vụ: 7 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: 4 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- + Tác động cải cách hành chính và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội: 10 tiêu chí và 25 tiêu chí thành phần.

b) Thang điểm đánh giá:

Thang điểm đánh giá là: 100 điểm.

Trong đó:

- Điểm đánh giá CCHC là: 75 điểm (cấp huyện tự chấm; Tổ thẩm định sẽ thẩm định, đánh giá, công nhận thông qua tài liệu kiểm chứng);
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 25 điểm.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục II.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của cấp huyện:

+ Các huyện, thị xã, thành phố tự theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp huyện và hướng dẫn chấm điểm Chỉ số CCHC cấp huyện. Điểm các huyện, thị xã, thành phố tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục II;

+ Điểm tự đánh giá của các huyện, thị xã, thành phố được Tổ thẩm định CCHC của tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh trên cơ sở tài liệu kiểm chứng và tình hình thực tế. Trên cơ sở kết quả của Tổ thẩm định CCHC, Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Kết quả điểm do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định được thể hiện tại cột “Thẩm định” của Phụ lục II.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Phụ lục II với nội dung “ĐTXHH”. Việc điều tra xã hội học được tiến hành độc lập để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau theo quy định.

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung

câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp huyện.

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Phụ lục II.

d) Tính toán, xác định chỉ số CCHC cấp huyện:

- Tổng điểm của huyện, thị xã, thành phố đạt được là tổng hợp của điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học (do đơn vị độc lập tổ chức khảo sát), được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của cấp huyện được thể hiện ở dòng “Chỉ số” tại Phụ lục II.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

đ) Xếp hạng Chỉ số CCHC cấp huyện:

Kết quả Chỉ số CCHC của 15 huyện, thị xã, thành phố được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp (xếp hạng theo tỷ lệ %).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành đối với việc xác định Chỉ số CCHC

a) Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung CCHC một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch CCHC hàng năm.

b) Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê và đánh giá kết quả Chỉ số CCHC.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC hàng năm dưới nhiều hình thức khác nhau (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Cấp sở, cấp huyện: Phân công nhiệm vụ cho bộ phận, công chức thực hiện CCHC tham mưu triển khai công tác theo dõi, đánh giá CCHC của sở, ban, ngành, địa phương một cách thường xuyên, liên tục. Tổng hợp, đánh giá một cách khách quan, trung thực kết quả Chỉ số CCHC đạt được hàng năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

b) Các sở, ban, ngành chủ trì triển khai các nhiệm vụ CCHC thường xuyên theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai CCHC đối với các lĩnh vực được giao phụ trách để hàng năm phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành có liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số CCHC

a) Nâng cấp, thiết lập phần mềm đánh giá xác định Chỉ số CCHC của tỉnh một cách chính xác, khách quan, phù hợp các nội dung của Bộ Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của các cơ quan hành chính. Nghiên cứu các hình thức tổ chức điều tra xã hội học một cách phù hợp để lấy ý kiến người dân, tổ chức về kết quả CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương.

b) Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng dẫn; tổng hợp tài liệu kiểm chứng và có báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm; phối hợp với Sở Nội vụ và đơn vị điều tra độc lập điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Bộ chỉ số CCHC được phê duyệt tại Quyết định này, xây dựng và triển khai Chỉ số CCHC của UBND các xã, phường, thị trấn áp dụng tại địa phương, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá CCHC.

3. Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng UBND tỉnh:

a) Có văn bản hướng dẫn triển khai việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh theo lĩnh vực, nội dung CCHC được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phân công chủ trì gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC đối với từng lĩnh vực, nội dung CCHC theo phân công của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Sở Nội vụ:

a) Tham mưu UBND tỉnh văn bản hướng dẫn triển khai việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC, chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

c) Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

d) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

đ) Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

e) Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh hàng năm.

g) Thành lập Tổ thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh hàng năm.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai có hiệu quả phần mềm đánh giá xác định Chỉ số CCHC của tỉnh.

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách Nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định. /

Phụ lục I

TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP SỞ
(Ban hành kèm Quyết định số 2450 /QĐ-UBND ngày 06 / 9 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	11						
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3,5						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch <i>(trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>	1						
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>							
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1						
	<i>Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo Chương trình CCHC của Chính phủ và của tỉnh: 0,5</i>							
	<i>Có phụ lục thể hiện cụ thể, rõ ràng kết quả đầu ra, trách nhiệm triển khai, kinh phí thực hiện thời gian hoàn thành: 0,5</i>							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1,5						
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% thì đánh giá theo công thức: $\frac{[(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,5)]}{100\%}$</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>							
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>							